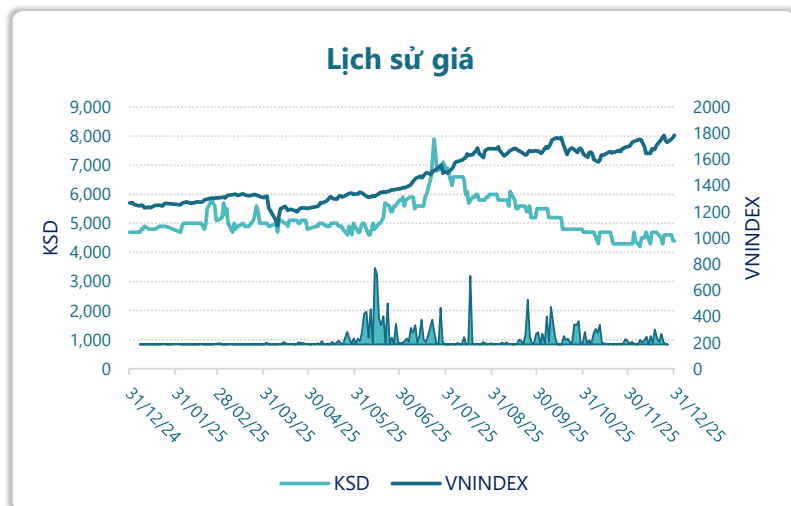


CTCP Đầu tư DNA (HNX: KSD)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	4,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	120
% sở hữu nước ngoài	25.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	53
P/E	
EPS	

DT thuần
Q4/25

tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/25

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2025

#VALUE!

#VALUE!

DT thuần
2025

tỷ VNĐ

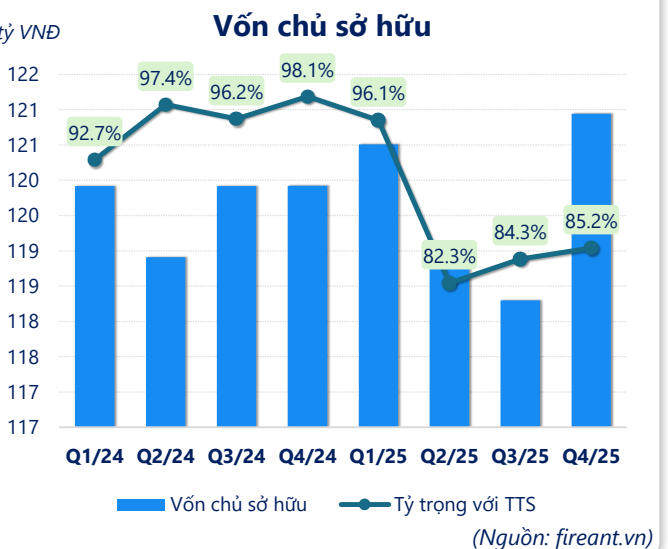
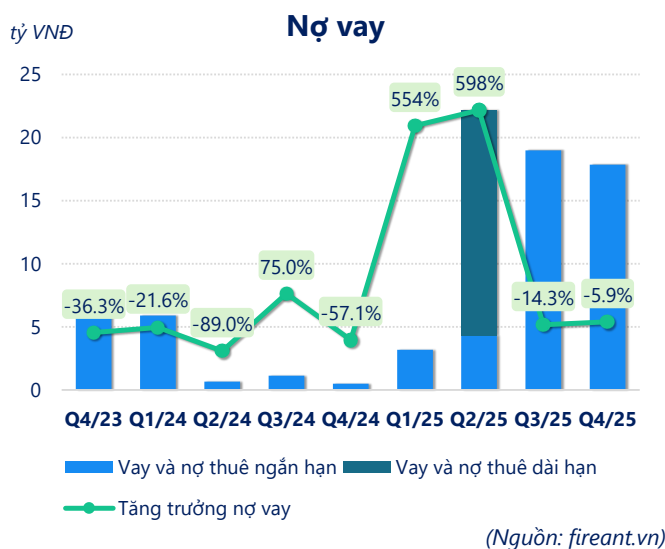
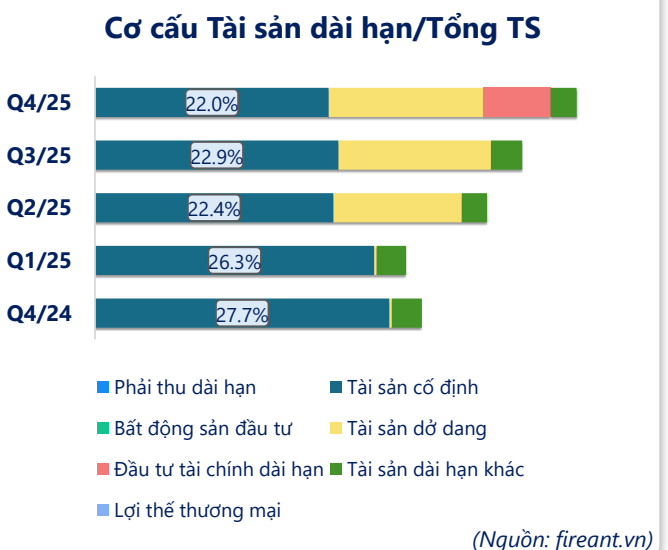
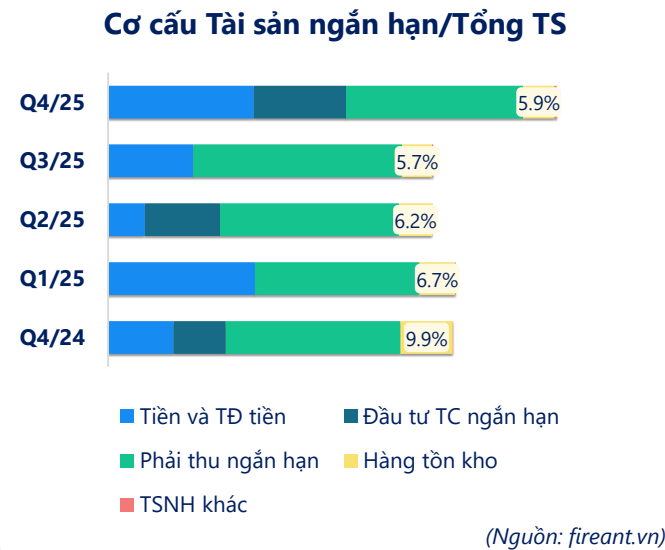
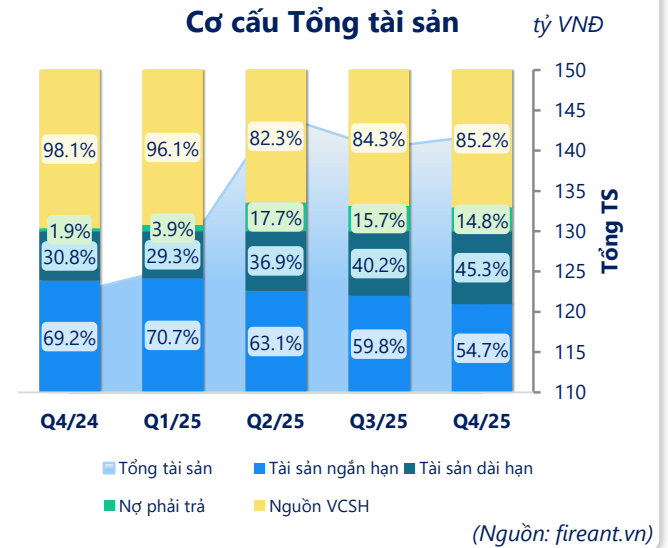
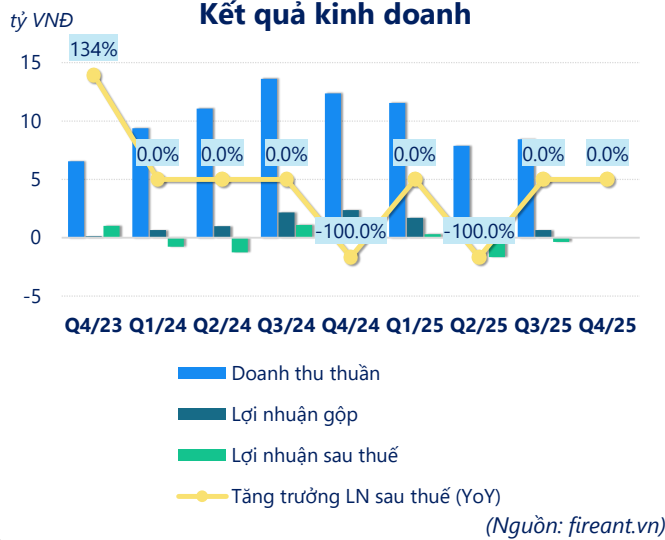
LN sau thuế
2025

tỷ VNĐ

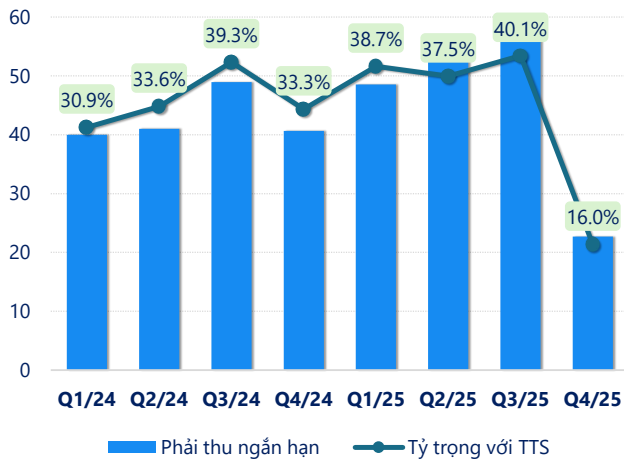
ROE
2025

#VALUE!

#VALUE!

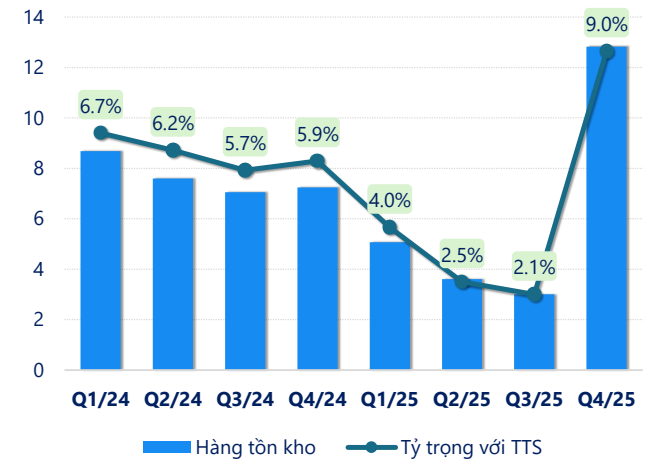


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


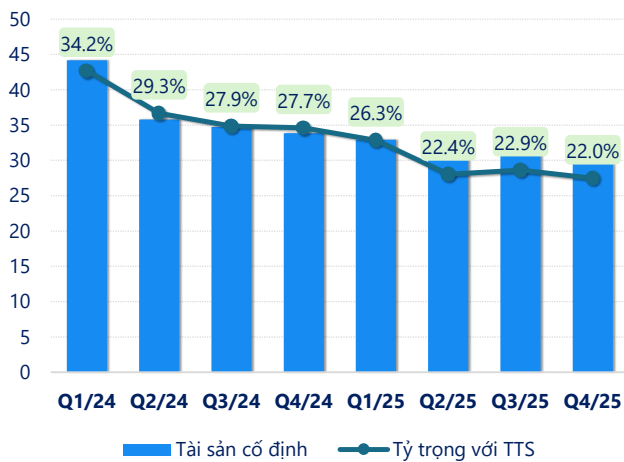
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


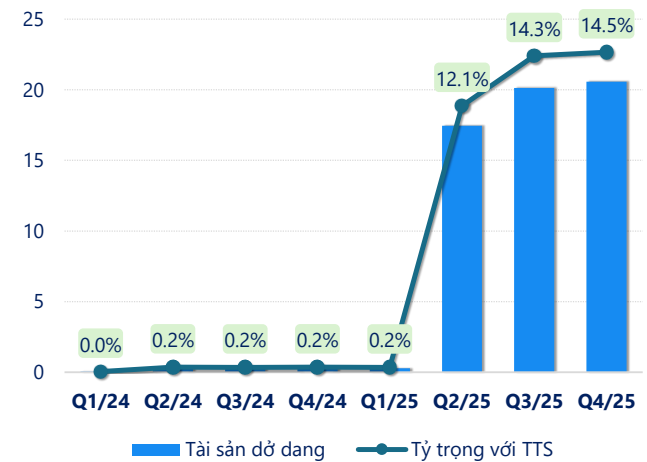
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

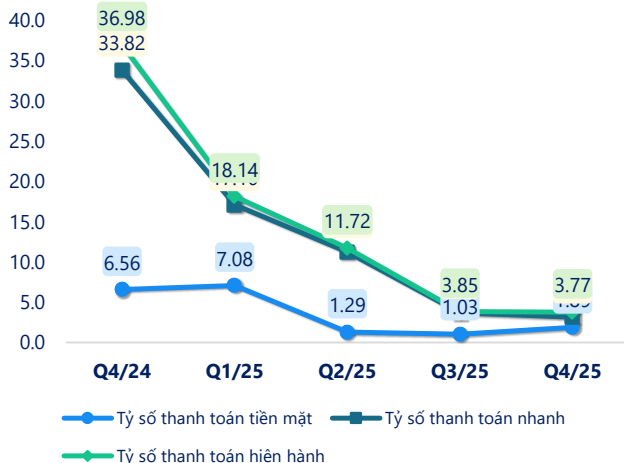
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

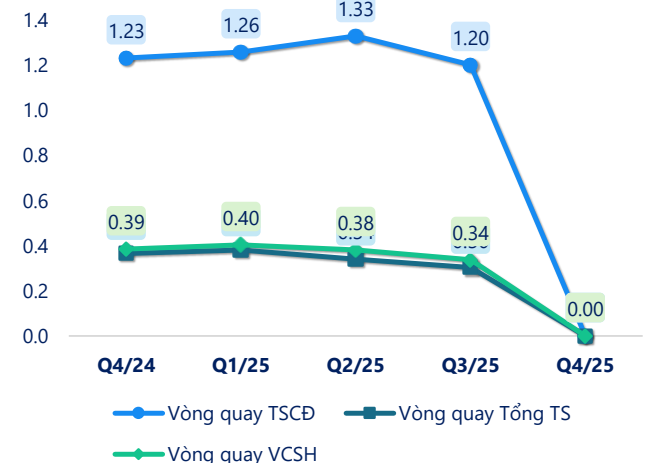
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	122	125	144	140	142
Tài sản ngắn hạn	84.6	88.7	91.2	84.0	77.6
Tiền và tương đương tiền	15.0	34.6	10.0	22.5	38.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.2	0	21.5	0	0
Phải thu ngắn hạn	40.6	48.5	54.1	56.2	22.7
Hàng tồn kho	7.24	5.07	3.61	3.01	12.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.52	0.49	1.97	2.24	3.19
Tài sản dài hạn	37.6	36.7	53.3	56.4	64.2
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	33.8	32.9	32.4	32.1	31.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.28	0.28	17.5	20.1	20.6
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	9.00
Tài sản dài hạn khác	3.46	3.46	3.43	4.11	3.48
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2.29	4.89	25.6	22.0	20.9
Nợ ngắn hạn	2.29	4.89	7.79	21.8	20.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.49	3.17	4.30	19.0	17.9
Phải trả người bán ngắn hạn	0.24	0.31	0.23	0.07	0.08
Nợ dài hạn	0	0	17.9	0.23	0.33
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	17.9	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	120	121	119	118	121
Vốn chủ sở hữu	120	121	119	118	121
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)